

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 380/2024/DS-PT
Ngày 25-7-2024
V/v kiện đòi tài sản và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “Kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 273/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 355/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1963; địa chỉ: số G, tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Anh K, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ H, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 và ngày 04/8/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: số B, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H và người đại diện hợp pháp của bà H là ông Ngô Anh K thống nhất trình bày:

Bà H và bà T có quen biết và làm ăn với nhau. Trước đây bà T gặp khó khăn trong việc làm ăn và có vay của bà H số tiền như sau:

+ Ngày 01/10/2015, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng.

+ Ngày 28/6/2018, bà T vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng.

+ Ngày 06/11/2018, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng.

+ Ngày 17/11/2018, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng.

+ Ngày 03/5/2019, bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng.

+ Ngày 17/5/2019, bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), lãi suất 05%, thời hạn vay 15 ngày.

+ Ngày 30/10/2020, bà T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), không lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng.

Tổng số tiền vay là 9.000.000.000 đồng nhưng bà T không trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 9.000.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 01/10/2015, bà T có vay bà H số tiền 500.000.000 đồng. Khoảng 02 tháng, bà T đã trả cho bà H hết số tiền 500.000.000 đồng nhưng bà T không làm biên bản giao nhận tiền.

Ngày 28/6/2018, bà T có ký tên và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị T trên Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng nhưng chưa nhận tiền. Sau khi ký tên vào giấy mượn tiền, H nói bà T chiều ngày 28/6/2018 đến nhà bà H lấy tiền nhưng khi bà T đến thì bà H nói chưa có tiền. Bà T xoay sở chỗ khác và sau này xoay sở xong bà T không vay tiền bà H nữa. Bà T gọi điện thoại cho bà H lấy lại Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 thì bà H nói vài bữa sau lấy nhưng sau đó bà T quên luôn. Do đó, bà T không đồng ý trả số tiền này cho bà H.

Ngày 06/11/2018, bà T có vay bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Bà T chưa trả số tiền này; bà T đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng này cho bà H.

Ngày 17/11/2018, bà T có vay của bà H số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng. Bà T chưa trả số tiền này, bà T đồng ý trả cho bà H số tiền này.

Ngày 03/5/2019, bà T vay bà H số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà T chưa trả số tiền này, bà T đồng ý trả số tiền này cho bà H.

Ngày 17/5/2019, bà T có vay bà H 1.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà T chưa trả số tiền này, bà T đồng ý trả số tiền này cho bà H.

Ngày 30/10/2020, bà T ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020 để vay số tiền 2.000.000.000 đồng nhưng bà T chưa nhận số tiền này. Bà H yêu cầu bà T đi cùng chồng của bà T đến nhà bà H ký tên, điểm chỉ vào giấy mượn tiền nhưng khi đến nhà bà H thì bà H không cho vay vì nói chưa trả số tiền trên và có nói hiện đang bị cách ly nên chưa đi ngân hàng rút tiền được. Lúc đó, bà T có đòi lại Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020 nhưng do dịch C - 19 bà T bị cách ly nên không đi lấy được nên bà T không đồng ý trả số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H. Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà T cho rằng trong số tiền vay 9.000.000.000 đồng, bà T đã trả cho bà H1 được số tiền 1.400.000.000 đồng nên yêu cầu được khấu trừ số tiền đã trả vào số tiền vay, về chứng cứ chứng minh bà T cho rằng chưa có thời gian chuẩn bị được chứng cứ để cung cấp cho Hội đồng xét xử.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H là ông Ngô Anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Theo đơn kháng cáo, bà T trình bày có chứng cứ chứng minh việc trả tiền vay cho bà H. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà T đã trả số tiền 1.400.000.000 đồng cho bà H. Do vậy, kháng cáo của bà T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên “*Nguyễn Thị T*” trên các chứng cứ do bà H xuất trình là Biên nhận ngày 03/5/2019; Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020, Giấy mượn tiền ngày 17/5/2019, Giấy mượn tiền ngày 17/11/2018, Giấy mượn tiền ngày 06/11/2018, Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018, Giấy mượn tiền ngày 01/10/2015, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T thừa nhận có vay tiền của bà H, đồng ý trả cho bà H tổng số tiền 3.500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 06/11/2018, Giấy mượn tiền ngày 17/11/2018, Biên nhận ngày 03/5/2019, Giấy mượn tiền ngày 17/5/2019. Bà T cho rằng đã thanh toán hết số tiền nợ trên nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tổng số tiền 3.500.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với tổng số tiền 5.500.000.000 đồng còn lại theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2015, Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 và Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng đã trả số tiền theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2015; đối với số tiền theo Giấy mượn tiền ngày 26/8/2015 và Giấy mượn tiền 30/10/2020 thì bị đơn có ký vào giấy mượn tiền nhưng nguyên đơn chưa giao số tiền mượn cho bị đơn.

[4.1] Xét, bị đơn cho rằng đã trả số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 01/10/2015 cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn.

[4.2] Bị đơn bà T cho rằng nguyên đơn không giao số tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 và Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020 cho bị đơn. Xét, bị đơn bà T thừa nhận chữ ký, họ tên tại hai giấy mượn tiền trên nên đã xác lập hợp đồng vay giữa bà T và bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cho rằng đã trả được số tiền 1.400.000.000 đồng nên phải được khấu trừ vào tổng số tiền vay, lời trình bày này chứng minh có việc bà T đã nhận số tiền vay từ bà H, trong đó có số tiền vay trên; bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc thanh toán tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T trả cho bà H số tiền 3.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 28/6/2018 và số tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 30/10/2020 là có căn cứ.

[5] Bà T đã có đơn kháng cáo từ ngày 27/5/2024, theo đơn kháng cáo bà T cho rằng có chứng cứ trả tiền cho bà H nhưng kèm theo đơn không có chứng cứ chứng minh. Nghĩa vụ chứng minh là của bà T, từ khi bà T kháng cáo đến khi mở phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai là 02 tháng nên lời trình bày của bà T không có căn cứ. Bà T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết